# THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN (THE PAST SIMPLE)

## I Cách dùng của thì quá khứ đơn

Thì quá khứ đơn được dùng để diễn tả những hành động đã xảy ra và kết thúc trong ..... .

Ví dụ:

Yesterday, I went to bed late. *(Hôm qua tôi đã đi ngủ muộn.)*

## II Dạng thức của thì quá khứ đơn

### 1. Với động từ to be

Dạng khẳng định

You, We, They, Noun $_{plural}$ + .....

I, He, She, It, Noun$_{singular}$ + .....

Ví dụ:

Yesterday they were at school. *(Hôm qua bọn họ ở trường.)*

She was 14 years old last year. *(Năm ngoái cô ấy 14 tuổi.)*

Dạng phủ định

You, We, They, Noun$_{plural}$ + were ...../weren't…

I, He, She, It, Noun$_{singular}$ + was ...../ wasn't…

Ví dụ:

Yesterday they were not/weren't at school. *(Hôm qua bọn họ đã không ở trường.)*

She was not/wasn't 14 years old last year. *(Năm ngoái cô ấy không phải 14 tuổi.)*

Dạng nghi vấn

..... + you, we, they, noun$_{plural}$ …?

..... + I, he, she, it, noun $_{singular}$ …?

Ví dụ:

Were they at school yesterday? *(Hôm qua bọn họ có ở trường không?)*

Was she 14 years old last year? *(Năm ngoái cô ấy có phải 14 tuổi không?)*

### 2. Với động từ thường

Dạng khẳng định

S + $V_{ed}$/ $V_2$ + ….

Ví dụ:

My family went to the cinema last week. *(Tuần trước gia đình tôi đã đi xem phim.)*

Dạng phủ định

LIVEWORKSHEETS

S + ..... + V + ...

Ví dụ:

My family didn't go to the cinema last week. *(Tuần trước gia đình tôi đã không đi xem phim.)*

Dạng nghi vấn

Câu hỏi không có từ để hỏi:

Hỏi: ..... + S + V + …?

Trả lời: Yes, S + ...../ No, S + .....

Ví dụ:

Did your family go to the cinema last week? *(Tuần trước gia đình bạn có đi xem phim không?)*

Yes, we did. *(Có, chúng tôi có đi.)*

No, we didn't. *(Không, chúng tôi không đi.)*

Câu hỏi có từ để hỏi:

Hỏi: Question word + did + S + V?

Trả lời: S + $V_{ed}$/ $V_2$ …

Ví dụ:

Where did your family go last week? *(Gia đình bạn đã đi đâu vào tuần trước?)*

My family went to the cinema last week. *(Tuần trước gia đình tôi đã đi xem phim.)*

## III Dạng quá khứ của động từ thường

### 1. Dạng quá khứ của động từ theo quy tắc

Động từ theo quy tắc

*Thêm ..... vào sau những động từ theo quy tắc khi chia ở thì quá khứ đơn.*

Ví dụ:

Last year, she worked for a big company. *(Năm ngoái, cô ấy đã làm việc cho một công ty lớn.)*

Last night, he watched a football match. *(Đêm qua anh ấy đã xem bóng đá.)*

Quy tắc thêm -ed

*Động từ kết thúc bằng -e: Thêm ..... vào sau động từ.*

Ví dụ:

arrive - arrived

*Động từ có một âm tiết hoặc có hai âm tiết nhưng trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 và động từ đó kết thúc bằng một nguyên âm + một phụ âm: ..... phụ âm cuối và thêm -ed.*

Ví dụ:

stop - stopped , prefer - preferred

*Động từ kết thúc bằng một phụ âm và -y: Bỏ .....và thêm .....*

Ví dụ:

LIVEWORKSHEETS

study - studied

*Động từ kết thúc bằng một nguyên âm và -y: Thêm ..... vào sau động từ.*

Ví dụ:

play - played

## 2. Dạng quá khứ của động từ bất quy tắc

Động từ bất quy tắc: *Không thêm ..... vào phía sau những động từ bất quy tắc.*

Ví dụ:

I went to see the doctor this morning. *(Tôi đã đi gặp bác sĩ sáng nay.)*

When I was on the way home yesterday, I saw my friend. *(Trên đường về nhà ngày hôm qua, tôi đã gặp một người bạn.)*

Cách chia động từ bất quy tắc: *Xem ở cột ..... trong bảng động từ bất quy tắc hoặc tra từ điển dạng thức quá khứ của các động từ này.*

LIVEWORKSHEETS